PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Đồng

	Nội dung	MÃ QHNS	Số tiền đã phân bổ	Điều chỉnh giảm	Số tiền còn lại
a	*b*	*1*	*2*	*3*	*4*
	Cộng tổng		**6,968,052,000**	**933,786,000**	**6,034,266,000**
1	Phụ cấp Bí thư chi bộ Tổ dân phố	1144456	2,336,256,000	211,788,000	2,124,468,000
2	Phụ cấp Tổ trưởng tổ dân phố	1144308	2,336,256,000	257,328,000	2,078,928,000
3	Phụ cấpTrưởng Ban Công tác Mặt trận Tổ dân phố	1144709	1,940,328,000	332,604,000	1,607,724,000
4	Hỗ trợ Nhân viên y tế	1168768	355,212,000	132,066,000	223,146,000

Mẫu biểu số 47

TÊN ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY PHƯỜNG

Chương 819

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY PHƯỜNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1144456

Mã KBNN NƠI GIAO DỊCH : 0077- KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-211,788,000**
1	**Chi quản lý hành chính (Mã loại 340, khoản 351)**	**-211,788,000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-211,788,000
	Kinh phí chi phụ cấp Bí thư chi bộ Tổ dân phố	*-211,788,000*
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	

Mẫu biểu số 47

TÊN ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHƯỜNG

Chương 820

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHƯỜNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1144709

Mã KBNN NƠI GIAO DỊCH : 0077- KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-332,604,000**
1	**Chi quản lý hành chính (Mã loại 340, khoản 361)**	**-332,604,000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-332,604,000
	Kinh phí chi phụ cấpTrưởng Ban Công tác Mặt trận Tổ dân phố	*-332,604,000*
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	

Mẫu biểu số 47

TÊN ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND&UBND PHƯỜNG

Chương 830

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND&UBND PHƯỜNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1144308

Mã KBNN NƠI GIAO DỊCH : 0077- KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-257,328,000**
1	**Chi quản lý hành chính (Mã loại 340, khoản 341)**	**-257,328,000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-257,328,000
	Kinh phí chi phụ cấp Tổ trưởng tổ dân phố	*-257,328,000*
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	

Mẫu biểu số 47

TÊN ĐƠN VỊ: TRẠM Y TẾ PHƯỜNG

Chương 823

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

ĐƠN VỊ: TRẠM Y TẾ PHƯỜNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1168768

Mã KBNN NƠI GIAO DỊCH : 0077- KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-132,066,000**
1	**Chi sự nghiệp y tế (Mã loại 130, khoản 139)**	**-132,066,000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-132,066,000
	Kinh phí chi hỗ trợ Nhân viên y tế	*-132,066,000*
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	

TÊN ĐƠN VỊ: UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ

Chương 800

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết			
			Văn phòng Đảng ủy phường	UBMTTQ VN phường	Văn phòng HĐND &UBND phường	Trạm y tế
A	B	1	2	3	4	11
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**					
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-933,786,000**	**-211,788,000**	**-332,604,000**	**-257,328,000**	**-132,066,000**
1	**Chi Quản lý hành chính**	**-801,720,000**	**-211,788,000**	**-332,604,000**	**-257,328,000**	**0**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-801,720,000	-211,788,000	-332,604,000	-257,328,000	0
	Kinh phí chi phụ cấp Bí thư chi bộ Tổ dân phố	*-211,788,000*	*-211,788,000*			
	Kinh phí chi phụ cấpTrưởng Ban Công tác Mặt trận Tổ dân phố	*-332,604,000*		*-332,604,000*		
	Kinh phí chi phụ cấp Tổ trưởng tổ dân phố	*-257,328,000*			*-257,328,000*	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	*0*				
3	**Chi sự nghiệp y tế**	**-132,066,000**				**-132,066,000**
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 13)	-132,066,000				-132,066,000
	Kinh phí chi hỗ trợ Nhân viên y tế	*-132,066,000*				*-132,066,000*
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)					
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		**1144456**	**1144709**	**1144308**	**1168768**
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		**0077**	**0077**	**0077**	**0077**